TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **332**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2021
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhàn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.
Ông Võ Văn Phi – Ban quản lý chợ Biên Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1204/2021/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 05 năm 2021, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 400/2021/QĐST – HNGĐ ngày 09/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Tổ 31, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
-Bị đơn: Ông **Đồng Văn D**, sinh năm 1983
Địa chỉ: Tổ 31, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
(Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông D vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đồng Văn D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20, vào sổ Quyển số 01/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được mấy năm đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do ông D tính độc đoán, gia trưởng. Bà và ông D đã ly thân, không quan tâm, chia sẻ tình cảm từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm với chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Đồng Văn D.

Về con chung: Bà Lụa và ông D có 02 con chung là cháu Đồng Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 12/11/2011 và cháu Đồng Nguyễn Xuân N, sinh ngày 23/01/2016. Ly hôn bà L xin được nuôi dưỡng hai cháu Tuấn T và cháu Xuân N; tạm thời không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi ccon chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn ông Đồng Văn D**: Ông D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông D vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp bản tự khai, không có văn bản giải trình, không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa. Vì vậy, không có lời trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Đồng Văn D.

- Về quan hệ con chung: Bà L và ông D có 02 con chung là cháu Đồng Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 12/11/2011 và cháu Đồng Nguyễn Xuân N, sinh ngày 23/01/2016. Ly hôn bà L xin được nuôi dưỡng hai cháu T và cháu N. Xét yêu cầu của bà L là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ hiện nay cháu N còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ; Cháu T có nguyện vọng xin được ở với mẹ (bà L); hiện nay hai cháu T và N vẫn do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Để đảm bảo về sự ổn định cuộc sống của các cháu T và N cần thiết áp dụng các Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; chấp nhận yêu cầu của bà L, giao các cháu T và N cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc; Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không có yêu cầu. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà L yêu cầu để bà và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Khi ly hôn, bà L xác định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên. Do ông Đồng Văn D vắng mặt trong suốt quá trình

giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông D, nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đồng Văn D; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà L là nguyên đơn còn ông D là bị đơn trong vụ án.

- Ông Đồng Văn D có địa chỉ cư trú hiện nay tại số: Tổ 31, Khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D tại địa chỉ này, nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và tham gia phiên tòa. Ngoài ra, bà L cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà L và ông D.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Đồng Văn D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20, vào sổ Quyển số 01/2011. Bà L khai nguồn cơn mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ nguyên nhân là do ông D tính độc đoán, gia trưởng. Bà và ông D đã ly thân, không quan tâm, chia sẻ tình cảm từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm với ông D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà L làm đơn xin được ly hôn với ông Đồng Văn D. Xét yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận vì theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng trong quá trình chung sống nhiều năm; vợ chồng bà L và ông D thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, không còn quan tâm, chia sẻ, chăm nhau cho nhau về mặt tình cảm. Mặc dù, theo biên bản xác minh mâu thuẫn vợ chồng của chính quyền địa phương thì địa phương không nắm được. Nhưng quá trình làm việc, mặc dù ông D được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần, nhưng đều cố ý vắng mặt, thể hiện việc không có ý định muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có thể thấy việc mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông D là có thật, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Đồng Văn D.

[3]. Về con chung: Bà L và ông D có 02 con chung là cháu Đồng Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 12/11/2011 và cháu Đồng Nguyễn Xuân N, sinh ngày 23/01/2016. Ly hôn bà L xin được nuôi dưỡng cháu T và cháu N. Xét yêu cầu của bà L là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ hiện nay cháu N còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ; Cháu T có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Hơn nữa, hiện nay hai cháu T và N vẫn do bà Lụa trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Xét yêu cầu của bà L là có căn cứ chấp nhận. Do đó, để đảm bảo về sự ổn định cuộc sống của cháu T và cháu N cần thiết áp dụng các Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; chấp nhận yêu cầu của bà L, giao các cháu T và cháu N cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc nuôi dưỡng; Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không có yêu cầu. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Bà L yêu cầu để bà và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nợ chung: Khi ly hôn, bà L xác định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do ông Đồng Văn D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông D, nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Đồng Văn D.

Về con chung: Giao cháu Đồng Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 12/11/2011 và Đồng Nguyễn Xuân N, sinh ngày 23/01/2016 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Đồng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông Đồng Văn D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L và ông D tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

Nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001291 ngày 12/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

Bà Nguyễn Thị L và ông Đồng Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Nguyễn Trần Nhàn

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 30/7/2018,
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễn.
Bà Trương Thị Thìn.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 697/2018/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn", giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Nghiên, sinh năm 1979
Địa chỉ: 197/23A/4E, tổ 39A, khu phố 11A, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Tạc, sinh năm 1972
Địa chỉ: 197/23A/4E, tổ 39A, khu phố 11A, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

(Chị Nghiên có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tạc vắng mặt không có lý do))

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về tố tụng:

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: Chị Đỗ Thị Nghiên nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với Anh Đỗ Văn Tạc, sinh năm 1972; Địa chỉ: 197/23A/4E, tổ 39A, khu phố 11A, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Văn Tạc nhưng anh Tạc vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và tham gia phiên tòa; ngày 27/07/2018, chị Đỗ Thị Nghiên có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt chị Nghiên và anh Tạc.
- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Thìn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quan hệ hôn nhân:

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: Chị Đỗ Thị Nghiên và anh Đỗ Văn Tạc tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại UBND xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 03 người con. Nhưng từ năm 2011, giữa hai người phát sinh mâu thuẫn bắt nguồn từ chuyện tình cảm và kinh tế, dẫn đến thường xuyên cãi vã, xung đột lẫn nhau, cả hai không còn tôn trọng nhau. Bản thân anh Tạc nhiều lần nhục mạ chị Nghiên và gia đình chị, đe dọa chị về tinh thần, chị cũng đã nhiều lần tha thứ để níu kéo cuộc sống hôn nhân, nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Nghiên làm đơn xin được ly hôn với anh Tạc. Xét thấy, theo biên bản xác minh ngày 11/05/2018, địa phương nơi chị Nghiên và anh Tạc sinh sống đã xác nhận anh, chị trong quá trình chung sống thường xuyên cải vã, mâu thuẫn, xô xát với nhau, gia đình sống không hòa thuận. Như vậy, trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng là có thật, chị Nghiên cũng xác định hiện nay không còn tình cảm với anh Tạc, nên mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Do vậy, việc chị Nghiên xin ly hôn với anh Tạc là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Diễn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về con chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: có 03 con chung là cháu:

Đỗ Lan Anh, sinh ngày 25/06/2000.

Đỗ Hồng Anh, sinh ngày 26/04/2002.

Đỗ Kim Anh, sinh ngày 06/12/2011.

Sau khi ly hôn chị Nghiên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con. Không yêu cầu anh Tạc phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này của chị Nghiên là chính đáng, bởi lẽ hiện nay các cháu Đỗ Lan Anh; Đỗ Hồng Anh và Đỗ Kim Anh đang sống cùng với chị Nghiên và do chị Nghiên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các cháu cũng tự nguyện muốn được ở với mẹ, nên được chấp nhận. Sau khi ly hôn Chị Nghiên và anh Tạc vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh Tạc có quyền thăm nom con; không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Thìn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về tài sản chung và nợ chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn, chị Nghiên xác định về tài sản chung các bên tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh Tạc vắng mặt trong suốt quá trình giải

quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của anh Tạc nên được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Thìn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: Chị Đỗ Thị Nghiên phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Diễn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: Chị Nghiên và anh Tạc có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Diễn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 30 tháng 7 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thìn Nguyễn Trung Diễn Đồng Thị Hồng

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Đồng Thị Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**